

Số: TVHN-158/DNAN

Đà Nẵng, ngày 7 tháng 6 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua**

Trong 24 - 36h qua, dòng chảy các sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng diễn biến như sau:

- + Trên sông Vu Gia biến đổi chậm.
- + Trên sông Hàn dao động theo thủy triều.
- + Trên sông Thu Bồn có dao động, hạ lưu dao động theo thủy triều.
- + Trên sông Tam Kỳ dao động theo thủy triều.

**2. Dự báo, cảnh báo**

**2.1. Diễn biến xu thế mực nước, lưu lượng nước**

Trong 24 - 36h tới, dòng chảy các sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng diễn biến như sau:

- + Trên sông Vu Gia biến đổi chậm.
- + Trên sông Hàn dao động theo thủy triều.
- + Trên sông Thu Bồn có dao động, hạ lưu dao động theo thủy triều.
- + Trên sông Tam Kỳ dao động theo thủy triều.

**2.2. Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm:** Xâm nhập mặn diễn ra ở vùng hạ lưu sông

**2.3. Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế- xã hội:** Xâm nhập mặn ở vùng hạ lưu sông ảnh hưởng không lớn đến các hoạt động sinh hoạt và sản xuất.

*Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30 ngày 08/6/2026*

*Tin phát lúc 11h30.*

**Nơi nhận:**

- VP UBND TP Đà Nẵng;
- BCH PCTT và phòng thủ dân sự TP Đà Nẵng;
- Báo và PTTH TP Đà Nẵng;
- Sở NN&MT TP Đà Nẵng;
- Phòng QLDB và TTDL;
- Trung tâm TT&DL KTTV;
- Các Trạm KTTV TP Đà Nẵng;
- Lưu;

**Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin**

**Nguyễn Thế Long**

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1: Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

*Bảng 1.1: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều*

*Đơn vị: m*

| Sông    | Trạm      | Thực đo<br>(07h/06-07h/07/6/2026) |       | Dự báo<br>(07h/07-07h/08/6/2026) |       |
|---------|-----------|-----------------------------------|-------|----------------------------------|-------|
|         |           | Hmax                              | Hmin  | Hmax                             | Hmin  |
| Cẩm Lệ  | Cẩm Lệ    | 0.24                              | -0.52 | 0.11                             | -0.42 |
| Thu Bồn | Giao Thủy | 0.61                              | 0.09  | 0.63                             | 0.02  |
|         | Câu Lâu   | 0.39                              | -0.42 | 0.29                             | -0.36 |
| Tam Kỳ  | Tam Kỳ    | 0.49                              | -0.51 | 0.33                             | -0.41 |

| Sông    | Trạm   | Thực đo<br>(19h/05-07h/07/06/2026) |       | Dự báo<br>(07h/07-19h/08/6/2026) |       |
|---------|--------|------------------------------------|-------|----------------------------------|-------|
|         |        | Hmax                               | Hmin  | Hmax                             | Hmin  |
| Thu Bồn | Hội An | 0.37                               | -0.57 | 0.25                             | -0.45 |

*Bảng 1.2: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng không ảnh hưởng triều*

*Đơn vị: m*

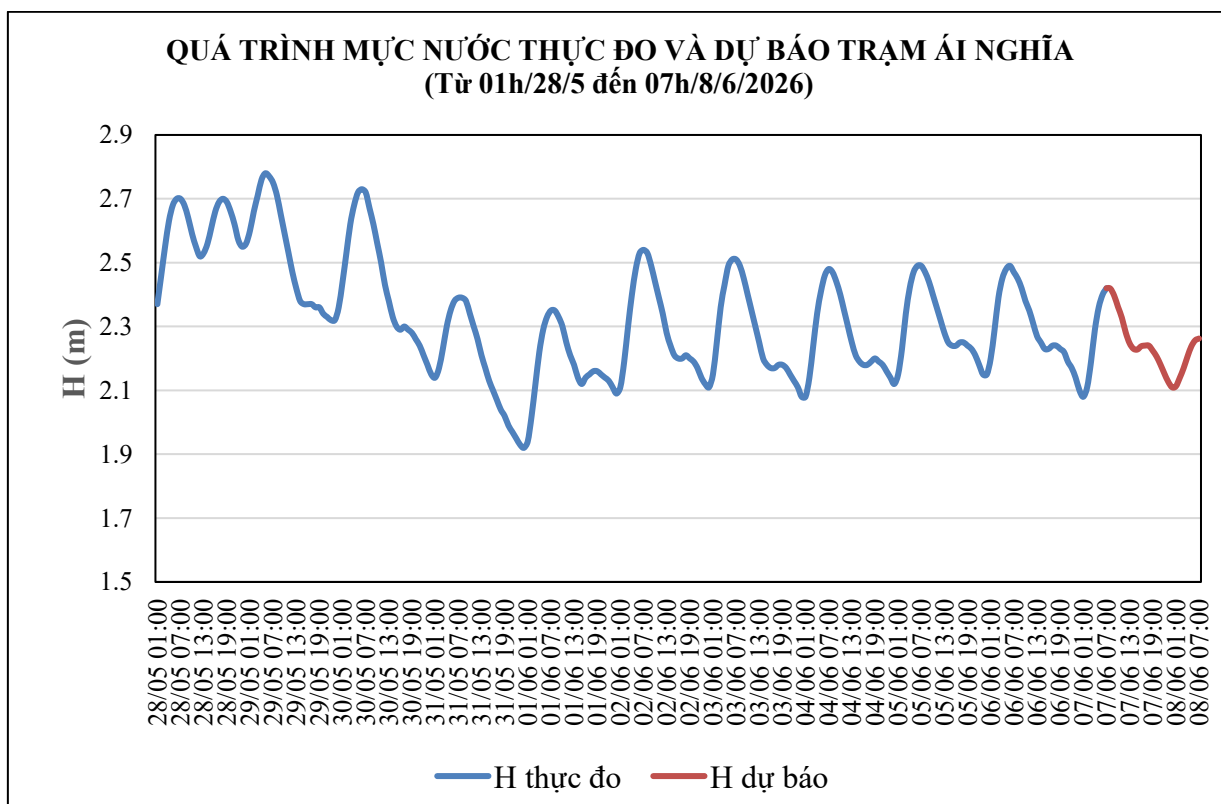
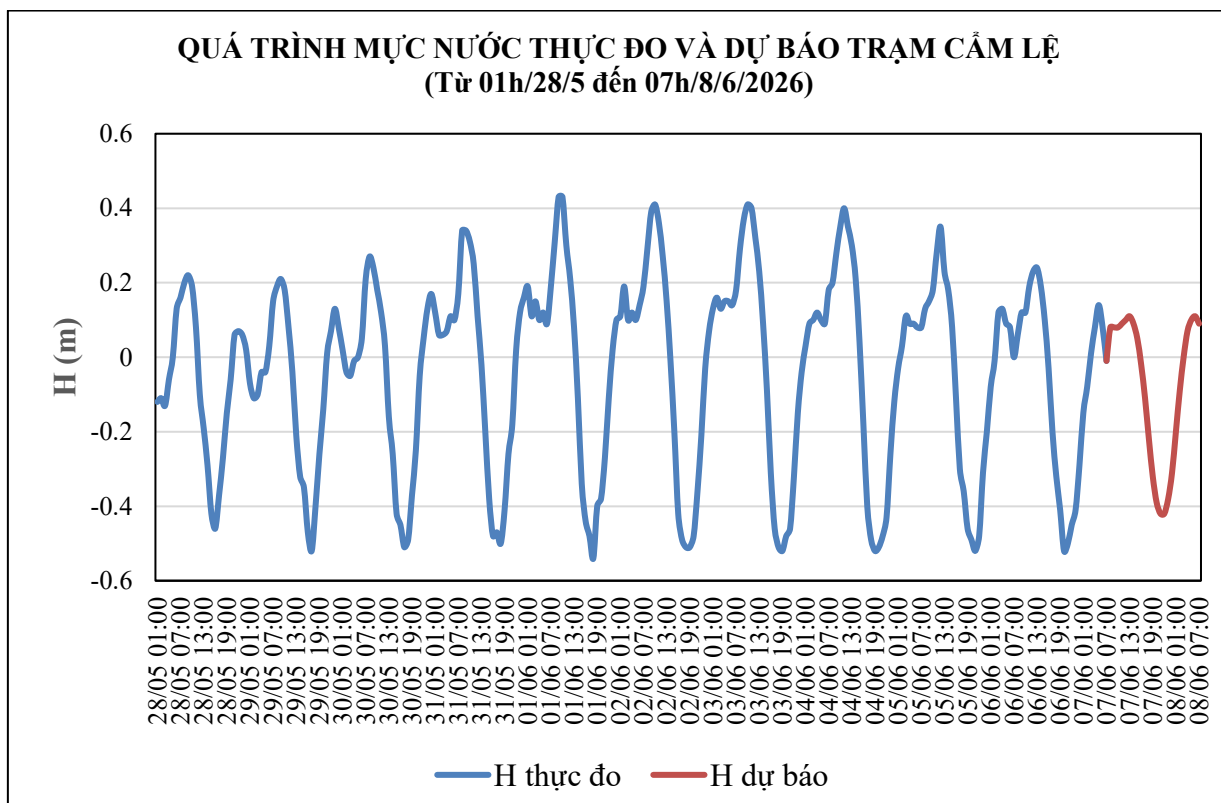
| Sông    | Trạm      | Mực nước thực đo |           |          |          | Mực nước dự báo |           |          |          |
|---------|-----------|------------------|-----------|----------|----------|-----------------|-----------|----------|----------|
|         |           | 13h00/6/6        | 19h00/6/6 | 1h00/7/6 | 7h00/7/6 | 13h00/7/6       | 19h00/7/6 | 1h00/8/6 | 7h00/8/6 |
| Vu Gia  | Thành Mỹ  | 0.00             | 11.08     | 11.13    | 11.13    | 11.13           | 11.09     | 11.02    | 10.96    |
|         | Hội Khách | 8.00             | 7.92      | 8.30     | 7.99     | 8.11            | 7.98      | 8.43     | 8.03     |
|         | Ái Nghĩa  | 2.27             | 2.23      | 2.08     | 2.42     | 2.25            | 2.22      | 2.11     | 2.26     |
| Thu Bồn | Hiệp Đức  | 12.87            | 12.01     | 13.47    | 13.51    | 12.92           | 12.26     | 13.45    | 13.27    |
|         | Nông Sơn  | 4.23             | 3.94      | 3.52     | 3.93     | 4.05            | 3.85      | 3.62     | 4.01     |

*Bảng 1.3: Lưu lượng thực đo và dự báo các trạm trong vùng không ảnh hưởng triều*

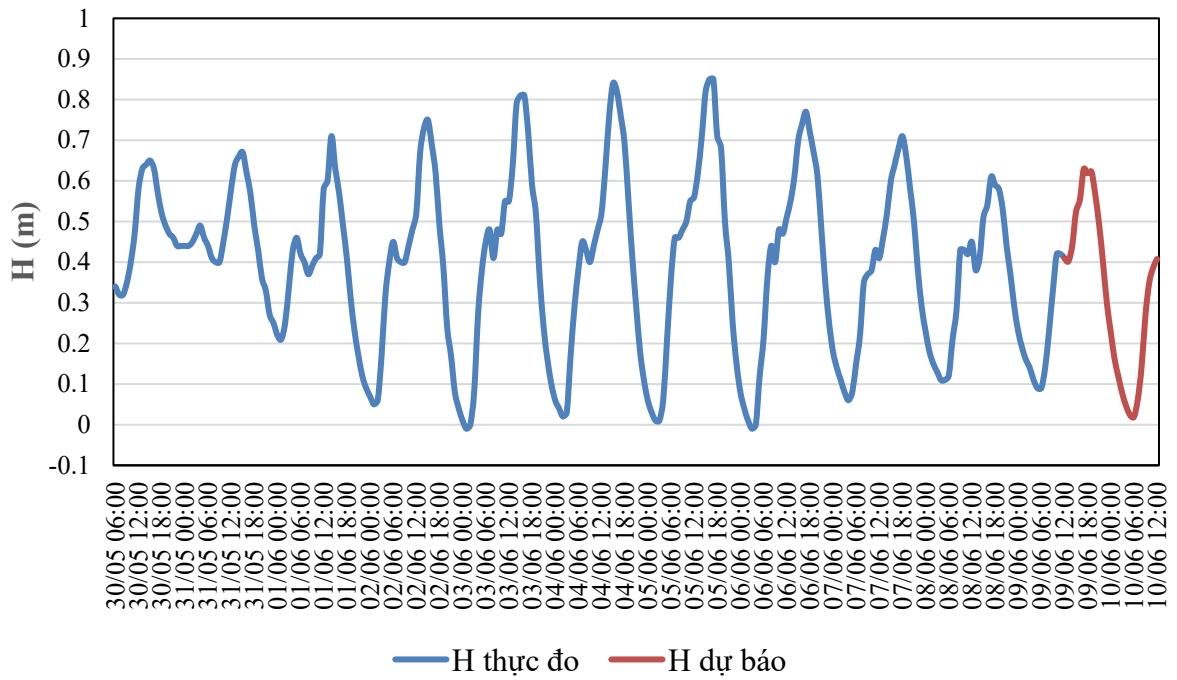
*Đơn vị: m<sup>3</sup>/s*

| Sông    | Trạm     | Lưu lượng thực đo |           |          |          | Lưu lượng dự báo |           |          |          |
|---------|----------|-------------------|-----------|----------|----------|------------------|-----------|----------|----------|
|         |          | 13h00/6/6         | 19h00/6/6 | 1h00/7/6 | 7h00/7/6 | 13h00/7/6        | 19h00/7/6 | 1h00/8/6 | 7h00/8/6 |
| Vu Gia  | Thành Mỹ | 5.1               | 5.1       | 5.1      | 5.1      | 5.1              | 5.1       | 5.1      | 5.1      |
| Thu Bồn | Nông Sơn | 136               | 100       | 59       | 99       | 112              | 90        | 67       | 108      |

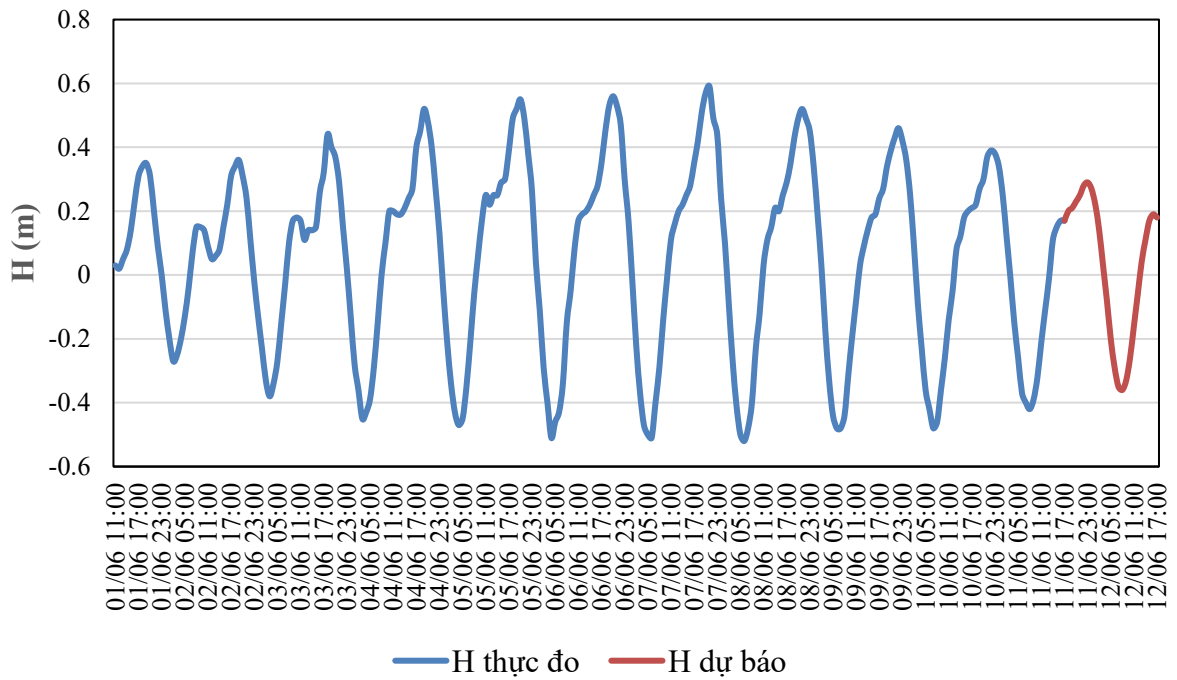
## Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm



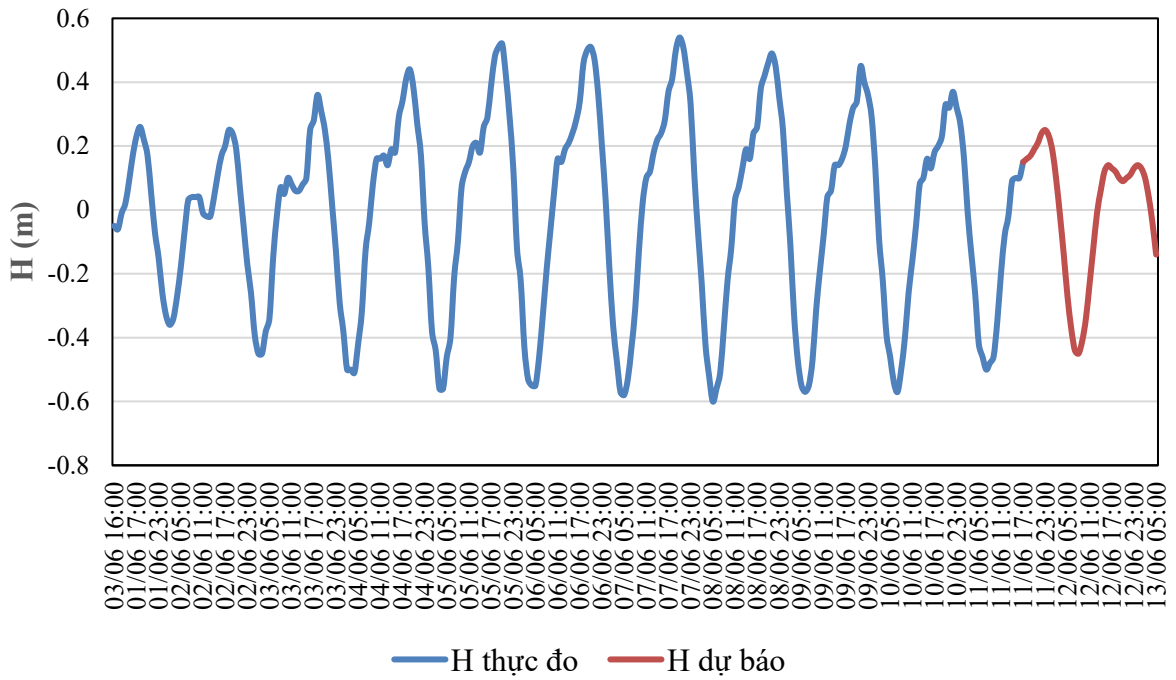
**QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO TRẠM GIAO THỦY**  
(Từ 01h/28/5 đến 07h/8/6/2026)



**QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO TRẠM CÂU LÂU**  
(Từ 01h/28/5 đến 07h/8/6/2026)



**QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO TRẠM HỘI AN**  
(Từ 01h/28/5 đến 07h/8/6/2026)



**QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO TRẠM TAM KỲ**  
(Từ 01h/28/5 đến 07h/8/6/2026)

